TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2023
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Hoàng Tiến D;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh P - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996

HKTT: khu 9, xã Cao X, huyện H, tỉnh A.

Địa chỉ hiện nay: khu 12, Cao Xá, Lâm Thao, A.

- *Bị đơn*: Anh Cao Ngọc Q, sinh năm 1993

HKTT: khu 9, xã Cao X, huyện H, tỉnh A.

Hiện nay anh Q đang ở Đài Loan.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Cao Ngọc Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Cao X, huyện H, tỉnh A. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019, anh Q đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh A giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Ngọc Q.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Thanh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Ngọc B, sinh ngày 18/9/2018. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Ngọc B và không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thanh T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vắng mặt chị.

Chị T trình bày hiện nay anh Q đang ở Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của anh Q tại Đài Loan, vì vậy chị không thể cung cấp địa chỉ của anh Q cho Tòa án được. Chị T đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh Q ở Đài Loan thông qua bố mẹ đẻ của anh Q là ông Cao Ngọc M, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1968; địa chỉ: khu 9, xã Cao X, huyện H, tỉnh A.

Thân nhân của anh Cao Ngọc Q - ông Cao Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh Y trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Cao Ngọc Q, hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q qua điện thoại nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở chỗ nào Đài Loan mà chỉ biết anh Q hiện đang ở Đài Loan. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Q tại Đài Loan cho Tòa án. Ông Tấn, bà Y từ chối nhận thay anh Q các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết ly hôn với chị T tại Tòa án. Về việc chị T nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh Q ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Cao Ngọc Q. Về con chung: Giao cháu Cao Ngọc B cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Cao Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: chị T xác định vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T nộp đơn xin ly hôn anh Cao Ngọc Q tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị T trình bày hiện anh Q đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 27233/QLXNC-P5 ngày 14/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "Cao Ngọc Q, *sinh ngày 10/10/1993, đã xuất cảnh ngày 16/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước".* Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Cao Ngọc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Xá, huyện Lâm Thao, tỉnh A vào ngày 20/02/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Từ năm 2019 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh Quý đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Ngọc Q.

Anh Cao Ngọc Q hiện đang ở nước ngoài, chị Nguyễn Thị Thanh T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Cao Ngọc Q ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh Q ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị T, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Q ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh Q là ông Cao Ngọc M, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1968; địa chỉ: khu 9, xã Cao X, huyện H, tỉnh A.

Bố mẹ đẻ của anh Cao Ngọc Q - ông Cao Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh Y cung cấp thông tin: hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở đâu tại Đài Loan mà chỉ biết anh Q hiện nay đang ở Đài Loan. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Q tại Đài Loan cho Tòa án. Ông Tấn, bà Y từ chối nhận thay anh Q các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Tuyền và anh Quý. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh Q đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị Thanh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Ngọc Q là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị T được chấp nhận.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Cao Ngọc Q có 01 con chung là cháu Cao Ngọc B, sinh ngày 18/9/2018. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Ngọc B và không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy: anh Q hiện đang ở nước ngoài, không có lời trình bày tại Tòa án, cháu Cao Ngọc B hiện đang còn nhỏ. Do đó để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung của anh chị, cần giao

cháu Cao Ngọc B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thanh T xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Cao Ngọc Q.

[2] Về con chung: Giao cháu Cao Ngọc B, sinh ngày 18/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Cao Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Anh Cao Ngọc Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000385 ngày 03/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; anh Cao Ngọc Q có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã Cao X;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Tiến D